

Chương Tài chính doanh nghiệp

Tài chính tiền tệ

Chương : Tài chính doanh nghiệp

1. Bản chất và vai trò của tài chính doanh nghiệp
2. Cấu trúc tài chính doanh nghiệp
3. Cơ chế tài trợ
4. Thu nhập và lợi nhuận

1. Bản chất và vai trò TCDN

1.1. Doanh nghiệp và các đặc trưng của DN:

- ◆ Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, có con dấu, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh.
- ◆ Đặc trưng:
 - Là tổ chức kinh tế thực hiện chức năng kinh doanh
 - Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là sự kết hợp các nhân tố đầu vào như vốn lao động để tạo ra các sản phẩm hàng hoá và được tiêu thụ trên thị trường với mục đích lợi nhuận.

1. Bản chất và vai trò TCDN

1.2. Bản chất của TCDN

- Về hiện tượng: TCDN phân ánh số vẫn ñoàng chuyển dòch của các luàng giá trị sản sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh và trực tiếp phục vụ cho quá trình này của doanh nghiệp.
- Về bản chất tại chính: TCDN là hệ thống các quan hệ kinh tế sản sinh trong quá trình phân phối các nguồn lực tại chính. Ñiều thể hiện thông qua quá trình huy ñoàng và sử dụng các loại vốn, quỹ tiền tệ nhằm phục vụ cho hoạt ñoàng kinh doanh của doanh nghiệp.

Các quan hệ kinh tế cấu thành bản chất TCDN gồm:

- ✘ Quan hệ kinh tế giữa doanh nghiệp và nhà ñầu tư
- ✘ Quan hệ kinh tế giữa doanh nghiệp với thị trường
- ✘ Quan hệ kinh tế trong nội bộ doanh nghiệp

Bản chất và vai trò TCDN

2. Vai trò của TCDN

Xuất phát từ cơ chế kinh tế, trong điều kiện kinh tế thị trường, TCDN thực hiện các vai trò sau:

- ◆ Tổ chức huy động và phân phối sử dụng các nguồn lực tài chính có hiệu quả.
- ◆ Tạo lập các đòn bẩy tài chính để kích thích, điều tiết các hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp.
- ◆ Kiểm tra đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Cấu trúc tài chính doanh nghiệp

Xem bảng cân đối tài chính doanh nghiệp

Tài sản	Nội vơ vơ
◆ Tài sản lưu ñoäng	◆ Nội thöông xuyêñ (ngáén haïn)
◆ Tài sản có ñòn	◆ Nội dãi haïn
◆ Tài sản tài chính	◆ Vơñ có phàn (ñieàu leä)
	◆ Lôii nhuaän

Cấu trúc tài chính doanh nghiệp đợc xem dướ gốc độ:

- Cấu trúc tài sản
- Cấu trúc nguồn vố

Cấu trúc tài sản

Khái niệm và các đặc trưng tài sản kinh doanh

- Tài sản kinh doanh của doanh nghiệp được xem là một khối lượng giá trị biểu hiện dưới dạng các yếu tố sản xuất kinh doanh, được doanh nghiệp tạo lập và đưa vào kinh doanh nhằm mục đích sinh lời.
- Đặc điểm:
 - ◆ Tài sản phải đầy đủ mới đảm bảo cho hoạt động kinh doanh có thể tiến hành và kinh doanh ổn định.
 - ◆ Quá trình luân chuyển vốn tài sản gắn liền với quá trình sản xuất kinh doanh ($T - H - T'$), giá trị không bị mất đi mà phải không ngừng lớn lên sau mỗi chu kỳ kinh doanh.

Cấu trúc tài sản

Tài sản cố định – Vốn cố định

-TSCĐ của doanh nghiệp là những tài sản thỏa mãn 2 điều kiện sau:

- ✓ Có giá trị lớn
- ✓ Thời gian sử dụng lâu dài

- Vốn cố định là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ TSCĐ dùng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Vì vậy vốn cố định có những đặc trưng cơ bản sau:

- ✓ Được bố trí trên từng công đoạn cụ thể của chu trình, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng hình thái biểu hiện không thay đổi.
- ✓ Giá trị được kết chuyển dần từng phần vào chi phí kinh doanh, cho nên chu kỳ quay vòng vốn cố định là lâu dài.

(tiếp tục)

- Quản lý TSCĐ:

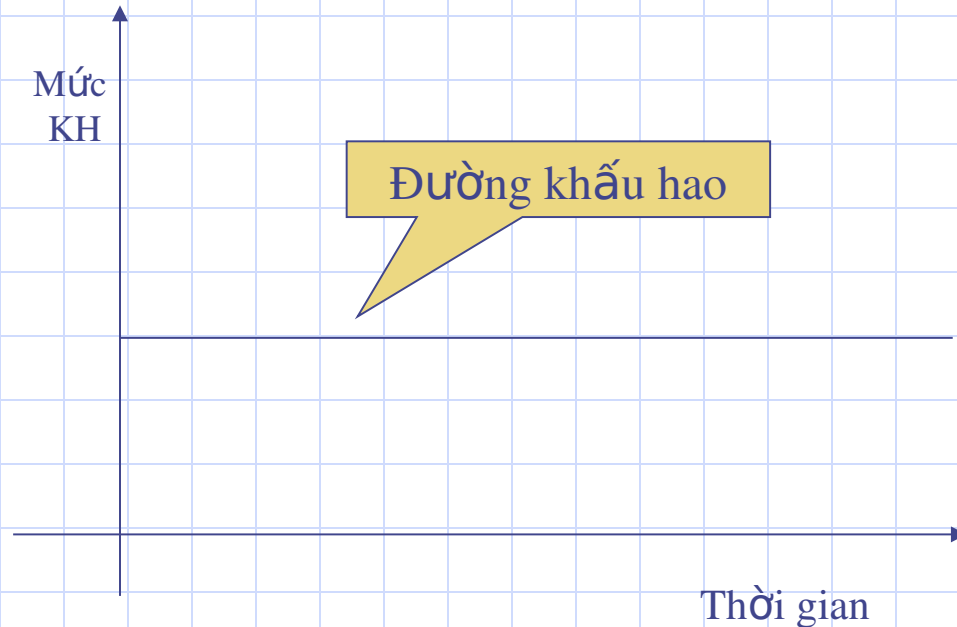
- ◆ Phân loại TSCĐ theo các tiêu thức khác nhau để bố trí sử dụng và bảo quản có hiệu quả.
- ◆ Lập kế hoạch trích KHTSCĐ hợp lý để bảo toàn vốn.
- ◆ Sử dụng các nguồn vốn có quy mô lớn và tính Ổn định cao để đầu tư TSCĐ.

(tiếp)

◆ Phương pháp khấu hao đường thẳng:

- ✓ Theo phương pháp này mức khấu hao hằng năm được xác định theo công thức

$$M_{KH} = \frac{NG}{T}$$



(tiếp)

◆ Phương pháp khấu hao nhanh:

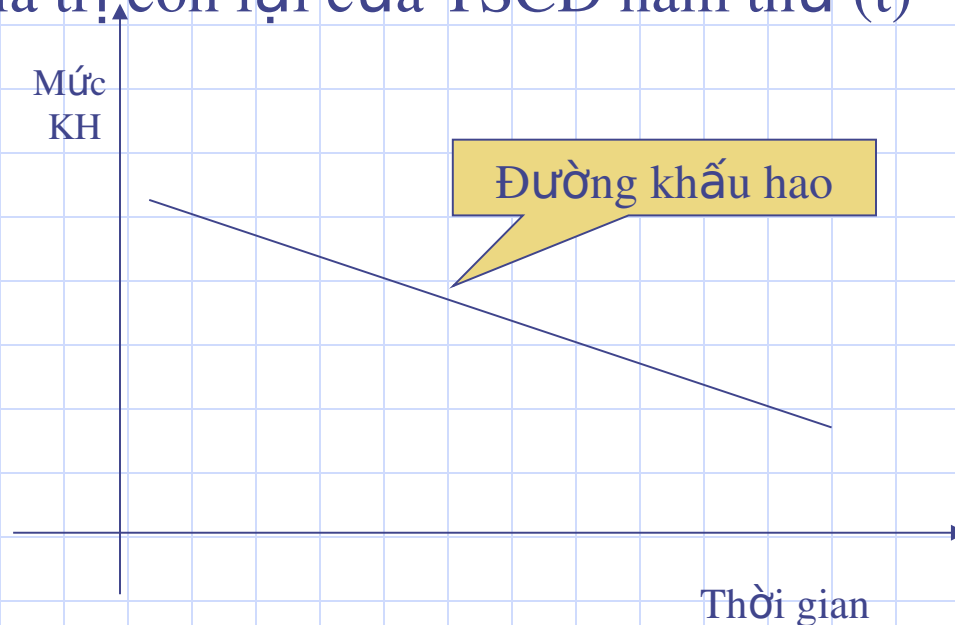
KHTSCĐ hằng năm được tính:

$$M_{KH(t)} = T_{KH(\text{đc})} \times GTCL_{(t)}$$

✓ $M_{KH(t)}$ là mức khấu hao năm thứ t

✓ $T_{KH(\text{đc})} = T_{KH(t-1)} \times (1 + \text{Hệ số điều chỉnh})$

✓ $GTCL_{(t)}$ là giá trị còn lại của TSCĐ năm thứ (t)



(tiếp)

◆ Phương pháp khấu hao theo tỷ lệ giảm dần

$$M_{KH(t)} = T_{KH(t)} \times NG$$

$$T_{KH(t)} = \frac{T_{(t)}}{\sum_{t=1}^n T_{(t)}}$$

$T_{KH(t)}$: tỷ lệ khấu hao năm thứ (t)

NG: nguyên giá TSCĐ

$T_{(t)}$: số năm KH TSCĐ còn lại tính từ đầu năm (t)

n: thời hạn sử dụng của TSCĐ

(tiếp)

◆ Nhận xét:

- ✓ Mỗi cách tính có kết quả khấu hao khác nhau
- ✓ Doanh nghiệp cần lựa chọn phương thức thích hợp với từng loại tài sản cố định:
 - ◆ Nhà xưởng... → khấu hao đường thẳng
 - ◆ Thiết bị công nghệ... → khấu hao nhanh

Cấu trúc tài sản

Tài sản lưu động – Vốn lưu động

Bộ phận tài sản phục vụ cho hoạt động kinh doanh có thời gian luân chuyển dưới 1 năm, mang các đặc trưng sau:

- ◆ Luôn thay đổi hình thái biểu hiện qua mỗi công đoạn của chu trình kinh doanh, nhằm hướng đến một hình thái vật chất có một giá trị sử dụng mới. Vì vậy, TSLĐ luân chuyển qua các công đoạn của chu kỳ.
- ◆ Giá trị TSLĐ được kết chuyển toàn bộ vào chi phí kinh doanh và sẽ được thu hồi từ thu nhập, thời gian luân chuyển vốn lưu động ngắn.

(tiếp theo)

- Quản lý TSLĐ

+ TSLĐ bao gồm:

- ✓ Tiền
- ✓ Các khoản phải thu
- ✓ Các loại nguyên vật liệu hàng hoá

+ Dựa vào đặc điểm của từng loại hình kinh doanh và quy trình kinh doanh mà doanh nghiệp sẽ bố trí lượng vốn lưu động hợp lý nhằm đảm bảo cho quá trình kinh doanh được tiến hành liên tục và đạt hiệu quả cao. → quản lý tài sản lưu động theo phương pháp định mức và giới hạn.

+ Đầu tư TSLĐ từ nhiều nguồn vốn khác nhau, căn cứ vào thời gian quay vòng vốn mà có kế hoạch khai thác sử dụng vốn hợp lý.

Cấu trúc tài sản

Tài sản tài chính

- Là các tài sản tài chính hình thành trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.
- Các loại tài sản tài chính:
 - ✓ Các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay
 - ✓ Các khoản liên doanh
 - ✓ Góp vốn cổ phần
 - ✓ Các loại trái phiếu, cổ phiếu
 - ✓ Tài sản cho thuê

Cấu trúc nguồn vốn kinh doanh

- ◆ Là sự hỗn hợp giữa nợ và vốn chủ sở hữu + lợi nhuận
 - ➔ phản ánh sự lựa chọn các nguồn tài trợ
- ◆ Khi phát sinh một dự án đầu tư mới doanh nghiệp có thể lựa chọn nguồn tài trợ theo 2 cách:
 - ✓ Vay nợ
 - ✓ Huy động vốn cổ phần

Cấu trúc nguồn vốn kinh doanh

Căn cứ vào tính chất kinh tế có thể chia nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp làm hai loại:

- ◆ **Nguồn vốn chủ sở hữu:** là bộ phận nguồn vốn mà khi sử dụng doanh nghiệp không phải cam kết hoàn trả cho các chủ sở hữu nó, gồm:
 - ✓ Nguồn vốn góp ban đầu khi doanh nghiệp mới thành lập: là bộ phận hình thành vốn điều lệ do các chủ sở hữu đầu tư.
 - ✓ Nguồn vốn được bổ sung trong quá trình kinh doanh: là những nguồn từ bên trong (các quỹ trích lập từ lợi nhuận sau thuế) và các nguồn từ bên ngoài (liên doanh, phát hành cổ phiếu...)

(tiếp theo)

◆ **Nợ phải trả:** là số tiền mà doanh nghiệp đi chiếm dụng hoặc vay mượn dùng làm vốn kinh doanh với cam kết sẽ hoàn trả lại cho các chủ sở hữu sau một thời gian nhất định. Gồm:

- ✓ Nợ ngân hàng
- ✓ Nợ người bán
- ✓ Nợ người lao động
- ✓ Nợ nhà nước
- ✓ Nợ khác.....

(tiếp theo)

◆ **Đặc điểm nợ và vốn**

Nội	voán
◆ Phân phối có ñình	◆ Phân phối theo cả
◆ Ưu tiên thanh toán cao nhất	töùc
◆ Giaûm tröø thueá	◆ Ưu tiên thanh toán thấp nhất
◆ Kyø haïn có ñình	◆ Không giaûm tröø thueá
◆ Không kiểm soát quaûn lý	◆ Không xaùc ñình thời gian
	◆ Kiểm soát quaûn lý

Cơ chế tài trợ

Tài trợ gián tiếp

Vốn

Trung gian
tài chính

Vốn

Người tiết kiệm

- Hộ gia đình
- Doanh nghiệp
- Chính phủ
- Nước ngoài

Người cần vốn

- Hộ gia đình
- Doanh nghiệp
- Chính phủ
- Nước ngoài

Vốn

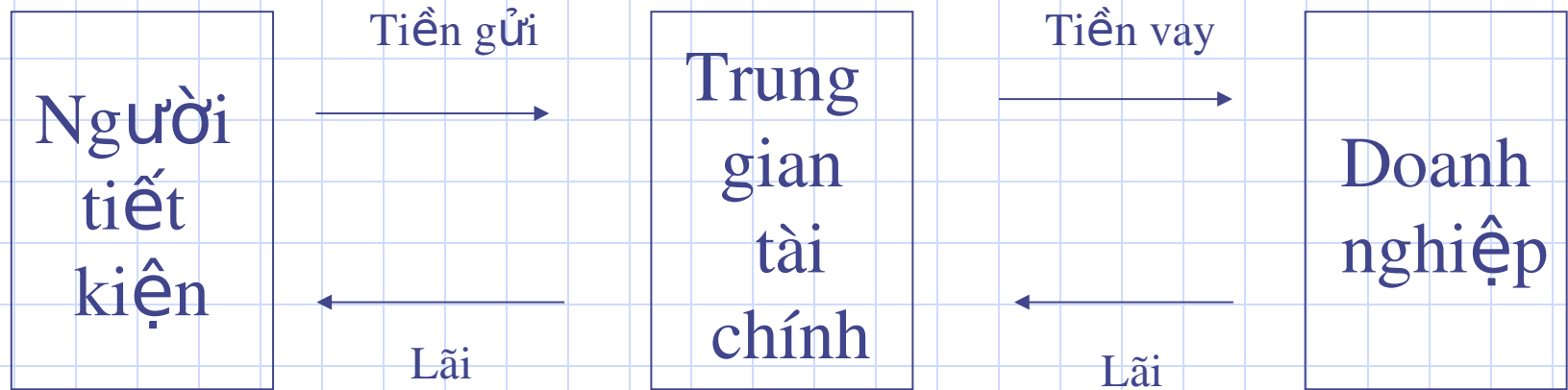
Thị trường
tài chính

Vốn

Tài trợ trực tiếp

Cơ chế tài trợ

Tài trợ gián tiếp



Cơ chế tài trợ

Tài trợ trực tiếp



- ◆ Thị trường chứng khoán kết nối trực tiếp giữa người tiết kiệm và người có nhu cầu về vốn.
- ◆ Người tiết kiệm có nhiều cơ hội mua nhiều loại chứng khoán. Các công ty cổ phần có nhiều cơ hội tiếp cận các nguồn vốn tiết kiệm.

4. Thu nhập và phân phối thu nhập

Thu nhập của doanh nghiệp là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp thu được trong quá trình kinh doanh, phản ánh dòng tiền đi vào doanh nghiệp, bao gồm:

◆ Doanh thu bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ, chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu.

◆ Thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính

- ✓ Lãi tiền gửi, cho vay
- ✓ Cổ tức
- ✓ Chia lãi liên doanh
- ✓ Thu nhập từ mua bán chứng khoán
- ✓ Tiền cho thuê tài sản...
- ✓ ...

(tiếp theo)

- ◆ Các khoản thu nhập bất thường khác
 - ✓ Thanh lý TSCĐ
 - ✓ Hoàn nhập dự phòng
 - ✓ Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế và thanh toán
 - ✓ Tài sản thừa, nợ không xác định được chủ....
 - ✓

(tiếp theo)

- ◆ Thu nhập là nguồn tài chính và để sử dụng cần có chính sách phân phối
- ◆ Phân phối thu nhập dựa vào:
 - ✓ Chính sách thuế của nhà nước
 - ✓ Chính sách tiền lương và phát triển nguồn nhân lực
 - ✓ Nhu cầu vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp ở hiện tại và tương lai.

4. Thu nhập và phân phối thu nhập

- Nguyên tắc phân phối thu nhập

- ✂ Đảm bảo quá trình tích lũy tái đầu tư mở rộng kinh doanh trong tương lai.
- ✂ Dự phòng hạn chế rủi ro, hạn chế tổn thất về tài chính, tạo ra sự an toàn trong kinh doanh.
- ✂ Giải quyết thỏa đáng mối quan hệ về lợi ích kinh tế cho các chủ thể tham gia. Tạo ra động lực kích thích các hoạt động kinh tế nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

(tiếp theo)

Quá trình phân phối được thực hiện theo trình tự:

- ◆ Bù đắp các khoản chi phí đã tiêu hao trong quá trình kinh doanh

Thu nhập – Chi phí hợp lý hợp lệ = Lợi nhuận

Lợi nhuận là phần kết quả tài chính cuối cùng của chu kỳ kinh doanh; là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- ◆ Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định
Lợi nhuận – Thuế = Lợi nhuận sau thuế

(tiếp theo)

- ◆ Trích bù đắp các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ để bảo toàn vốn
- ◆ Trích lập các quỹ chuyên dùng
 - ✓ Quỹ dự phòng tài chính
 - ✓ Quỹ đầu tư phát triển
 - ✓ Quỹ phúc lợi khen thưởng
 - ✓ Quỹ trợ cấp thôi việc
- ◆ Chia lãi liên doanh, chia cổ tức, nộp NSNN

Bài tập

1. Một doanh nghiệp có số liệu sau:

- ✓ Nợ vay ngân hàng: 100nv
- ✓ Nợ vay dài hạn: 70nv
- ✓ Tiền lương phải trả: 20nv
- ✓ BHXH phải trả: 10nv
- ✓ Nguyên vật liệu: 20ts
- ✓ Công cụ lao động: 40ts
- ✓ Hàng tồn kho: 60ts
- ✓ Chi phí sản xuất: 30ts
- ✓ Máy móc thiết bị: 100ts
- ✓ Nhà xưởng: 300ts
- ✓ Chứng khoán các loại: 40ts
- ✓ Vốn chủ sở hữu: 300nv
- ✓ Lợi nhuận: 90nv

◆ Yêu cầu: lập bảng cân đối tài sản của doanh nghiệp

Bài tập

2. Tính khấu hao TSCĐ hàng năm theo phương pháp đường thẳng

- ✓ Giá trị tài sản: 1.000 đơn vị
- ✓ Thời gian khấu hao: 10 năm

3. Tính khấu hao TSCĐ hàng năm theo phương pháp gia tốc cách 2:

- ✓ Giá trị tài sản: 3.000 đơn vị
- ✓ Thời gian khấu hao: 7 năm

4. Doanh nghiệp A trong năm có lợi nhuận thu được là 120 tỷ. Doanh nghiệp B có lợi nhuận là 100 tỷ. Hỏi doanh nghiệp nào kinh doanh có hiệu quả hơn?

5. Doanh nghiệp A trong năm trước có lợi nhuận thu được là 100 triệu, với thu nhập là 1 tỷ và chi phí là 900 triệu. Trong năm doanh nghiệp đạt được lợi nhuận là 120 triệu với thu nhập là 1,5 tỷ và chi phí là 1,38 tỷ. Hỏi trong năm doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả hơn năm trước không.

Bài tập

6. Một doanh nghiệp trong năm kinh doanh có được lợi nhuận là 100 triệu đồng và chính sách phân phối như sau:

- ✓ Nộp thuế TNDN là 28%
- ✓ Lợi nhuận còn lại:
 - ◆ Trích lập các quỹ 50%
 - ◆ Trả cổ tức cho cổ đông 50%

6. Trong một năm doanh nghiệp có tài liệu sau:

- ✓ Doanh thu: 250 tỷ
- ✓ Chi phí:
 - ◆ Nguyên vật liệu: 100 tỷ
 - ◆ KH TSCĐ: 50 tỷ
 - ◆ Tiền lương: 50 tỷ
 - ◆ Bảo hiểm: 19% trên lương
 - ◆ Chi phí khác: 20 tỷ

◆ Tính lợi nhuận của doanh nghiệp trong năm kinh doanh